

MỘT SỐ YÊU CẦU CỦA CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NGÀNH TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỜI KỲ 2011-2020

Trên thực tế, chuyển dịch cơ cấu ngành trong phát triển, tăng trưởng kinh tế ở các nước phát triển có ảnh hưởng rất nhỏ vì những nước này đã hoàn thành quá trình công nghiệp hóa. Ở các nước đang phát triển, nhất là những nước ở đầu thời kỳ công nghiệp hóa như Việt Nam, chuyển dịch cơ cấu ngành có ảnh hưởng rất mạnh tới tăng trưởng năng suất và do đó tới thu nhập của người dân và tăng trưởng kinh tế. Trong điều kiện bình thường, chừng nào còn có chênh lệch năng suất giữa các ngành, lĩnh vực chừng đó, sự chuyển dịch cơ cấu ngành theo hướng hợp lý còn có ảnh hưởng tích cực tới tăng trưởng kinh tế và ngược lại. Điều này có nghĩa, với tỷ trọng lao động nông nghiệp trong nền kinh tế còn cao như hiện nay, việc có được hệ thống cơ chế chính sách tốt phát huy được quan hệ giữa chuyển dịch cơ cấu ngành và tăng trưởng đồng thời đẩy nhanh được tốc độ chuyển dịch được cơ cấu lao động theo hướng việc làm bền vững sẽ có ý nghĩa quyết định tới khả năng đạt được tăng trưởng kinh tế cao bền vững trong nhiều năm tới.

Không phải ngẫu nhiên, cơ cấu ngành của nước ta có xu hướng chuyển dịch còn hướng tới một cơ cấu đơn giản, giá trị gia tăng thấp dựa trên thâm dụng lao động ít kỹ năng, hàm lượng công nghệ thấp, và đã xuất hiện ảnh hưởng tiêu cực tới tăng trưởng năng suất và tăng trưởng kinh tế. Hành động thực tế của các chủ thể phát triển: Nhà nước, doanh nghiệp và người lao động là nguyên nhân quan trọng nhất dẫn tới kết quả trên. Do đó, muốn cơ cấu ngành chuyển dịch theo hướng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong thời kỳ tới, cần phải khắc phục được những hạn chế trong hoạt động của các lực lượng phát triển này. Để nghiên cứu cụ thể về mục tiêu, yêu cầu về chuyển dịch cơ cấu ngành nhằm tăng cường ảnh hưởng tích cực đến tăng trưởng kinh tế giai đoạn từ 2011-2020 cần xem xét ở một số góc độ sau”

1. Bối cảnh lịch sử phát triển kinh tế

Thời kỳ 2011-2020 sẽ là một thời kỳ có ý nghĩa rất đặc biệt đối với lịch sử phát triển kinh tế Việt Nam bởi vì đây là thời kỳ có nhiệm vụ phải giải quyết quyết liệt đồng thời ba vấn đề: cải thiện vị thế nước đang phát triển đến mức nào, có hoàn tất được quá trình đổi mới không và có hội nhập được thành công không. Nếu như đầu những năm 1990 khi bắt đầu thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội lần thứ nhất, nước ta là một trong những nước nghèo nhất trên thế giới, thì sau 2 kỳ Chiến

lược, nước ta đã gia nhập nhóm nước thu nhập trung bình (thấp). Tuy nhiên, kinh nghiệm từ các nước trên thế giới cho thấy, mặc dù việc gia nhập vào nhóm nước thu nhập trung bình là không dễ dàng, việc thoát ra khỏi nhóm nước này – tức thoát khỏi “bẫy thu nhập trung bình” – vươn tới vị trí của nhóm nước thu nhập cao là việc còn khó hơn rất nhiều lần. Để không bị tắc nghẽn trong “bẫy thu nhập trung bình”, không còn con đường nào khác ngoài con đường phải cải tiến cấu trúc nền kinh tế theo hướng tăng trưởng dựa trên năng suất ngày càng cao trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ, tri thức ngày càng nhiều, tham gia ngày càng sâu hơn, chủ động hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Hơn thế, với những yếu kém mang tính cơ cấu trong nội tại nền kinh tế Việt Nam, yêu cầu chuyển dịch cơ cấu ngành theo hướng năng suất, hiệu quả và có sức cạnh tranh cao hơn đã trở thành yêu cầu cấp thiết, bắt buộc. Từ những bức thiết của thực tiễn, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam thời kỳ 2011-2020 đã đề ra mục tiêu tổng quát là *“Phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; chính trị - xã hội ổn định, đồng thuận, dân chủ, kỷ cương; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng lên; tạo tiền đề để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau”*. Bên cạnh đó, một số mục tiêu cụ thể về phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu ngành cũng được nêu ra là: “Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân hàng năm đạt 7 - 8%. GDP năm 2020 theo giá so sánh bằng khoảng 2,2 lần so với năm 2010; theo giá thực tế bằng khoảng 3 lần, GDP bình quân đầu người đạt khoảng 3.000 - 3.200 đô la Mỹ vào năm 2020; Cơ cấu kinh tế công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ hiện đại, hiệu quả; tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ chiếm khoảng 85% trong GDP; giá trị sản phẩm công nghệ cao đạt khoảng 45% trong tổng GDP, giá trị sản phẩm công nghiệp chế tạo chiếm khoảng 40% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp. Nền sản xuất nông nghiệp bền vững, có giá trị gia tăng cao; tỷ lệ lao động nông nghiệp khoảng 30% lao động xã hội. Yếu tố năng suất tổng hợp đóng góp vào tăng trưởng đạt ít nhất 35%, giảm bình quân tiêu hao năng lượng trên GDP 2,5 - 3%/năm.”.

Trong khi mục tiêu phát triển của cả thời kỳ 2011-2020 là không đổi, trong giai đoạn 2011-2015, mục tiêu tổng quát đã được Hội nghị lần thứ 3, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa 11 quyết định là “Ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô; duy trì tăng trưởng hợp lý gắn với tái cơ cấu nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng

theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh...”. Trong tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng tập trung vào ba lĩnh vực quan trọng nhất là tái cơ cấu đầu tư công, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước và tái cơ cấu hệ thống các ngân hàng thương mại.

Về bối cảnh quốc tế, sự hội nhập ngày càng sâu của Việt Nam vào nền kinh tế toàn cầu sẽ đem lại những cơ hội cũng như thách thức mới đối với việc duy trì tính bền vững của quá trình phát triển đất nước trong suốt thập niên tới và những năm sau đó. Có hai loại nhân tố tác động đáng kể đến đổi mới và chuyển dịch cơ cấu ngành nước ta đến năm 2020 và những năm tiếp theo. Loại thứ nhất có tính thời đại, cơ bản và lâu dài và loại thứ hai là những tác động trực tiếp (trung hạn) của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu hiện nay.

Tuy có bị kìm hãm, làm chậm lại ở mức độ nhất định do khủng hoảng tài chính toàn cầu, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế vẫn tiếp tục là xu thế chủ đạo; tiếp tục phát triển về quy mô, mức độ và hình thức biểu hiện; có tác động tích cực và tiêu cực khó lường đến nền kinh tế nước ta. Thị trường thế giới, nhất là thị trường vốn, thị trường năng lượng, nguyên liệu, v.v.. sẽ dễ bị tổn thương và biến đổi thất thường hơn. Sự cạnh tranh giành vị trí và ảnh hưởng thị trường giữa các siêu cường kinh tế mới nổi và các siêu cường kinh tế khác sẽ gay gắt, khốc liệt hơn; góp phần làm cho thị trường thế giới trở nên bất ổn định hơn. Cạnh tranh giành nhân tài, nguồn nhân lực có trình độ cao giữa các nền kinh tế và doanh nghiệp cũng sẽ phổ biến hơn và gay gắt hơn.

Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu hiện nay đã và đang tạo ra hàng loạt các thay đổi có ảnh hưởng trung và dài hạn đối với phát triển và chuyển đổi cơ cấu kinh tế nước ta. Nhu cầu và cơ cấu nhập khẩu của các thị trường sẽ có thay đổi; khả năng xâm nhập thị trường đối với các sản phẩm xuất khẩu có thể sẽ khó hơn; khả năng tiếp cận và huy động vốn đầu tư nước ngoài các loại có thể bị hạn chế hơn; việc quản lý duy trì cân bằng cán cân thanh toán sẽ khó khăn hơn; rủi ro bất ổn kinh tế vĩ mô cũng có thể gia tăng hơn.

Trước những tác động của biến đổi khí hậu và khủng hoảng tài chính toàn cầu, mô hình và cách thức phát triển kinh tế trên toàn cầu có thể sẽ được điều chỉnh. Mô hình và phương thức phát triển mới cân bằng hơn, đề cao hơn trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, thân thiện hơn với môi trường, tiết kiệm hơn trong sử dụng năng lượng; an toàn, vệ sinh thực phẩm và bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng sẽ ngày càng khắt khe và được đề cao. Những loại sản phẩm không chứng minh được nguồn gốc sản xuất, không được

sản xuất với quy trình thân thiện với môi trường sống hoặc không kiểm soát được chất lượng và các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm sẽ khó tiếp cận đến được với thị trường, hoặc không được người tiêu dùng chấp nhận.

Về khu vực, thì Trung Quốc đã nổi lên thành cường quốc và đang ngày càng mạnh thêm, có ảnh hưởng ngày càng lớn trong chính trị và kinh tế thế giới. Sức mạnh và ảnh hưởng của Trung Quốc sẽ ngày càng tăng thêm trong quá trình thay đổi kinh tế toàn cầu. Sự trỗi dậy và phát triển của Trung Quốc vừa là cơ hội, vừa là thách thức lớn đối với phát triển kinh tế nói chung và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói riêng ở nước ta. Sự phát triển từ Trung Quốc sẽ lan toả đến nước ta với cả những tác động tích cực và không tích cực khó lường. Quan hệ thương mại giữa Việt Nam với Trung Quốc vốn đang là quan hệ có tính chất bắc nam – quan hệ giữa nước phát triển và kém phát triển trong đó Việt Nam xuất khẩu nguyên nhiên vật liệu và nhập khẩu hàng công nghiệp chế tạo. Dưới trào lưu mậu dịch tự do tại Đông Á, đặc biệt là Hiệp định thương mại tự do ASEAN-Trung Quốc và AFTA, Việt Nam đang đứng trước nguy cơ rất lớn rơi vào “bẫy của trào lưu mậu dịch tự do” trong đó cơ cấu lợi thế so sánh có thể sẽ bị cố định hóa ở vai trò là nước sản xuất và xuất khẩu nguyên liệu thô và hàng công nghiệp thâm dụng lao động kém kỹ năng mà không thể chuyển dịch cao hơn. Ngoài ra, sự lớn mạnh của kinh tế Trung Quốc cũng tạo ra áp lực mạnh đối với khai thác tài nguyên thiên nhiên ở nước ta; sự bố trí lại cơ cấu sản xuất ở Trung Quốc có thể sẽ chuyển một phần năng lực sản xuất sang nước ta, trong đó có thể có những quy trình, công đoạn sản xuất sử dụng công nghệ lạc hậu, không thân thiện với môi trường.

Tất cả những thay đổi nói trên sẽ ảnh hưởng đến kinh tế nước ta cả trước mắt cũng như trung và dài hạn; chúng vừa tạo cơ hội, vừa tạo ra thách thức; là những yếu tố phải tính đến trong việc chủ động điều chỉnh chính sách, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành ở nước ta.¹

2. Quan điểm định hướng chuyển dịch cơ cấu ngành trong tăng trưởng kinh tế

Xuất phát từ việc phải tránh những khía cạnh hạn chế trong chuyển dịch cơ cấu ngành những năm qua cũng như yêu cầu tăng trưởng kinh tế cao, bền vững thời gian tới, quan điểm định hướng chuyển dịch cơ cấu ngành thời kỳ 2011-2020 được đề xuất như sau:

- *Chuyển dịch cơ cấu ngành theo hướng khai thác hiệu quả và tạo ra lợi thế so sánh mới để nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp, ngành, lĩnh*

¹ Tổng hợp từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2010 và 2011), Ban cán sự Đảng chính phủ (2011),

vực và quốc gia. Định hướng phát triển các ngành là lấy hiệu quả kinh tế, đo bằng năng suất và tốc độ tăng năng suất là mục tiêu số một.

Trọng tâm của công cuộc Đổi mới bắt đầu từ năm 1986 là chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường, tập trung nhiều vào các chính sách cởi trói cho nông nghiệp cũng như các chính sách mở cửa thu hút vốn FDI bên cạnh tự do hóa lĩnh vực xuất khẩu, đồng thời từng bước thiết lập nền tảng pháp lý cho một nền kinh tế thị trường đã dẫn dắt quá trình chuyển dịch cơ cấu của hơn 20 năm qua. Những chính sách mang tính giải phóng sức sản xuất này đã đóng vai trò quyết định trong thành công của Việt Nam trong thập kỷ đầu tiên sau Đổi mới nhưng đến nay đã hoàn thành vai trò lịch sử. Để bước lên nấc thang mới trong quá trình phát triển, cần có sự đổi mới hoàn toàn trong tư duy chỉ đạo phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành, theo đó, thay vì tập trung vào phát triển về số lượng thông qua thay đổi cơ cấu ngành do người nước ngoài dẫn dắt, cần chuyển sang tập trung vào đạt được tăng trưởng nhờ sự lớn mạnh của nội lực trên cơ sở năng suất và hiệu quả cao hơn trong mọi ngành, lĩnh vực.

- Tôn trọng cơ chế kinh tế thị trường để tăng hiệu quả phân bổ và sử dụng nguồn lực trong quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành.

Với lợi thế của nước đi sau, việc Nhà nước đóng vai trò to lớn trong phát triển kinh tế nói chung và định hướng mô hình chuyển dịch cơ cấu ngành nói riêng là cần thiết. Tuy nhiên, như đã chỉ ra trong kinh nghiệm cả thành công và thất bại của các quốc gia đi trước, ngay cả khi thực hiện mô hình phát triển kinh tế dựa vào Nhà nước, thì các chính sách ban hành vẫn phải dựa trên cơ chế thị trường, đặc biệt là sự can thiệp của Nhà nước trong phân bổ nguồn lực. Đồng thời, điều kiện tiên quyết để mô hình Nhà nước dẫn dắt chuyển dịch cơ cấu ngành thành công, giúp nền kinh tế đạt được tăng trưởng cao, liên tục phải là Nhà nước phải có năng lực kiến tạo phát triển, trong đó bộ máy Nhà nước được điều hành bởi những quan chức ưu tú có học vấn và tinh thần tận tụy cao. Do vậy, trong định hướng chuyển dịch cơ cấu ngành nhằm đạt chất lượng tăng trưởng kinh tế cao, thay vì giảm vai trò của Nhà nước, cần chuyển đổi vai trò này từ kiểm soát nền kinh tế đang chuyển đổi sang vai trò xây dựng lợi thế cạnh tranh cho một nền kinh tế thị trường, trong đó tập trung nguồn lực vào việc xây dựng môi trường pháp lý hiệu quả, minh bạch, nhất quán, có thể tiên đoán; cung cấp dịch vụ công và cơ chế khuyến khích nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh.

Khi tôn trọng cơ chế thị trường, việc tạo ra môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế là bắt buộc, nếu không sẽ không có sự tôn trọng cơ chế thị trường một cách thực chất. Tôn trọng cơ chế thị trường tức là tuân thủ các quy luật của

thị trường trong đó kết quả và hiệu quả hoạt động sẽ quyết định vai trò của mỗi doanh nghiệp cũng như mỗi thành phần kinh tế, quyết định kết quả phân bổ nguồn lực trong nền kinh tế. Như vậy, thay vì tập trung vào hình thức sở hữu, Nhà nước cần phải tập trung xây dựng một môi trường kinh doanh cạnh tranh trong đó các thành phần kinh tế được bình đẳng về cơ hội tiếp cận các nguồn lực và được hưởng phần thưởng xứng đáng trên cơ sở kết quả và hiệu quả hoạt động. Việt Nam cần nghiên cứu bài học của Philipin, Indonesia và Thái Lan là những quốc gia bị mắc kẹt trong “bẫy thu nhập trung bình” hàng chục năm nay do không xây dựng được khu vực kinh tế tư nhân mạnh trong giai đoạn cất cánh.² Ngay cả khi bộ máy quản trị quốc gia rất yếu kém, đóng vai trò hỗ trợ được rất ít cho sự phát triển của nền kinh tế - “Chính phủ say ngủ trong đêm còn kinh tế cứ thế tăng trưởng”³, thì kinh nghiệm thành công của Ấn Độ hơn 15 năm nay cho thấy, một khu vực tư nhân phát triển năng động vẫn có thể là cứu cánh của quốc gia. Hiện nay hơn 60% tăng trưởng của Ấn Độ đến từ khu vực tư nhân. Nguồn gốc tăng trưởng của Ấn Độ đã được F. Zakaria (2008) tóm lược rất cô đọng trong nhận xét sau: Tăng trưởng của Ấn Độ đang diễn ra, không phải do chính phủ mà ngược lại. Quá trình này không phải từ trên xuống mà là từ dưới lên – xáo trộn, lộn xộn và phần lớn là chưa có kế hoạch gì cụ thể. Lợi thế then chốt của đất nước này là một khu vực tư nhân thành thực, quyền sở hữu tài sản và hợp đồng, tòa án độc lập, các quy định pháp luật (thậm chí nó còn thường xuyên bị lạm dụng). Khu vực tư nhân của Ấn Độ chính là xương sống cho tăng trưởng... Bằng cách nào đó, họ đã vượt qua những rào cản, bứt khỏi những lần ranh, đi đường vòng tránh cơ sở hạ tầng tồi tệ - và dựng nên một chiếc cầu đỡ. Nếu họ không thể xuất khẩu lượng lớn hàng hóa bởi đường xá cầu cảng quá tệ, thì họ xuất khẩu phần mềm và dịch vụ, những thứ hoàn toàn có thể gửi qua các đường truyền thay vì những con đường.

Kinh nghiệm thành công của Nhật Bản và các nước NICs, kinh nghiệm chưa thành công của ASEAN4 (gồm Malaysia, Thái Lan, Indonesia, và Philipin) và kinh nghiệm thành công của Ấn Độ cho thấy hai điểm quan trọng (1) *Nhà nước mạnh là Nhà nước phải xây dựng được khu vực kinh tế tư nhân phát triển mạnh;* (2) *Ngay cả khi không có Nhà nước mạnh, thậm chí Nhà nước yếu kém, khu vực kinh tế tư nhân phát triển mạnh có thể đem lại sự thịnh vượng cho quốc gia, cải thiện vị thế của quốc gia trên trường quốc tế.* Nếu nước ta muốn thành công như Nhật Bản, NICs và Ấn Độ, và muốn tránh được bài học của nhóm ASEAN4, cần có sự đổi mới tư duy dẫn đường

² Cả chính phủ của Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan cũng như chính phủ của các nước ASEAN4 (Malaysia, Thái Lan, Indonesia, Philipin) đều đóng vai trò rất quan trọng trong việc kiến thiết tăng trưởng kinh tế, tuy nhiên, trong khi Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan đã thành công trong việc phát triển một khu vực tư nhân mạnh và nền kinh tế vượt bẫy thu nhập trung bình, gia nhập nhóm nước thu nhập cao thì chính phủ của nhóm ASEAN4 đã thất bại khi không thể xây dựng được một khu vực kinh tế tư nhân năng động như vậy.

³ Trích lời Gurcharan Das, cựu CEO của Procter and Gamble tại Ấn Độ [23, 182]

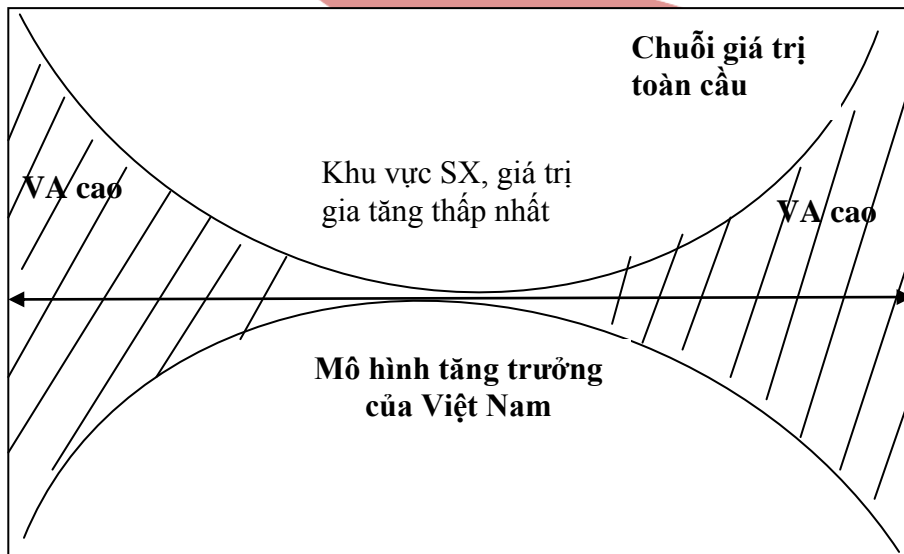
chỉ lối và sau đó là hệ thống những chính sách cụ thể một cách nhất quán, thực sự nhằm xây dựng một môi trường kinh doanh bình đẳng, thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển.

- Chuyển dịch cơ cấu ngành theo hướng tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, vươn tới các khâu có giá trị gia tăng ngày càng cao hơn

Như đã phân tích ở trên, thực tiễn lịch sử của kinh tế thế giới hiện đại chưa từng có ví dụ nào về phát triển kinh tế thành công bằng con đường biệt lập với phần còn lại của thế giới. Trong thời đại ngày nay, xu thế tăng nhanh tiến trình toàn cầu hóa với những biến đổi mới về chất là không thể đảo ngược. Trong lĩnh vực kinh tế, sự di chuyển các nguồn lực phát triển trên quy mô quốc tế do toàn cầu hóa mở ra cho các nước đi sau có cơ hội sử dụng nguồn lực bên ngoài để đẩy nhanh tiến trình phát triển bên trong. Dòng chảy thương mại hàng hóa và dịch vụ không chỉ gia tăng mạnh mẽ, mà còn gắn liền với các hình thức thương mại mới dưới sự hỗ trợ của công nghệ thông tin. Bởi vậy, trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, các chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải tính tới sự hoạt động của mạng lưới sản xuất đa quốc gia được hỗ trợ bởi mạng lưới thông tin toàn cầu tạo thành cái gọi là các chuỗi giá trị toàn cầu. Nghĩa là giờ đây phải thông qua việc gia nhập vào các chuỗi giá trị toàn cầu để thực hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của mỗi quốc gia khi tiến hành công nghiệp hóa. Do đó, việc tìm cách tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu và tìm được chỗ đứng vững chắc trên thị trường (cả trong nước lẫn thế giới) có ý nghĩa quyết định đối với công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện hiện nay.

Sự di chuyển trong quá trình tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu gồm hai bước chủ yếu: một là, từ chỗ ở bên ngoài chuỗi trở thành một mắt xích trong chuỗi; và hai là, từ mắt xích có giá trị gia tăng thấp chuyển lên mắt xích có giá trị gia tăng cao hơn trong chuỗi. Sự dịch chuyển cơ cấu như vậy vừa bao hàm cách tiếp cận truyền thống về chuyển dịch cơ cấu, lại vừa mở rộng thêm tầm tư duy trong bối cảnh mới. Giờ đây, chuyển dịch cơ cấu ngành không còn chỉ đơn thuần là cố gắng di chuyển nguồn lực từ khu vực nông nghiệp sang khu vực công nghiệp, dịch vụ ở một nền kinh tế đóng mà với khoa học công nghệ hiện đại trong nền kinh tế toàn cầu hóa, chuyển dịch cơ cấu ngành phải đặt trọng tâm hơn vào việc phát huy tốt lợi thế so sánh để bất cứ ngành, lĩnh vực nào (kể cả nông nghiệp, công nghiệp hay dịch vụ) đều có thể tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu miễn là giá trị gia tăng được hưởng từ những chuỗi này ngày càng cao hơn. Tư duy mới này càng đặc biệt có ý nghĩa khi thực hiện chuyển dịch cơ cấu ngành ở các địa phương, mà tại đó, quan điểm truyền thống đã khiến mọi địa phương nhiều năm qua nỗ lực phát triển công nghiệp, thu hẹp nông nghiệp bất kể lợi thế so sánh ra sao.

Đến nay, một số ngành, lĩnh vực của nước ta đã hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu nhưng tập trung chủ yếu ở mắt xích thấp nhất trong khâu sản xuất: đó là cung cấp nguyên, nhiên vật liệu thô và gia công, lắp ráp dựa trên lao động kỹ năng thấp nên giá trị gia tăng thu được khi tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu rất thấp. Phần lớn nguồn lực của đất nước đang tập trung vào khâu sản xuất nơi chỉ tạo ra một phần nhỏ của “miếng bánh toàn cầu” nên kết cục là mô hình tăng trưởng theo chiều rộng. Muốn có mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu, tư duy chỉ đạo xuyên suốt trong chuyển dịch cơ cấu ngành cần phải là vươn tới các mắt xích có giá trị gia tăng cao hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu, bất kể đó là ngành, lĩnh vực nào.



Hình 3.1: Dư địa tái cấu trúc cơ cấu ngành của Việt Nam

- Chuyển dịch cơ cấu ngành phải hướng đến dựa nhiều hơn, vững chắc hơn vào các ngành công nghiệp công nghệ hiện đại, có khả năng tạo ra và phát triển các năng lực cạnh tranh với thành tố chủ chốt là trí tuệ và công nghệ cao.

Mặc dù có thể kể đến một số lợi thế khác nhau của Việt Nam trong quá trình phát triển “hóa rồng”, thế mạnh lớn nhất của nước ta chính là nguồn nhân lực đông đảo, có tố chất tốt. Trong thời kỳ mà dân số các nước phát triển đang chứng kiến giai đoạn “lão hóa” chưa từng có trong lịch sử, những quốc gia có nguồn nhân lực trẻ, dồi dào đang đứng trước cơ may hiếm có để công nghiệp hóa, và hiện đại hóa rút ngắn. Hiện tại và tương lai, chính do vấn đề dân số “lão hóa”, các quốc gia phát triển dư thừa vốn và công nghệ đã, đang và sẽ ngày càng phải dựa nhiều hơn vào các cơ sở sản xuất ở các quốc gia đang phát triển và lao động nước ngoài để tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh ngay cả ở những khâu then chốt như thiết kế, nghiên cứu và triển khai (R&D). Ví dụ cụ thể là việc Ấn Độ đang ngày càng trở thành trung tâm thực hiện gia công thuê ngoài trong thiết kế và R&D lớn nhất cho các tập đoàn đa quốc gia và doanh

nghiệp Mỹ, chỉ 2 triệu lao động trực tiếp và khoảng 8 triệu lao động gián tiếp trong lĩnh vực gia công phần mềm công nghệ thông tin của Ấn Độ đã tạo ra 54 tỷ USD năm 2010.

Cũng như toàn cầu hóa tài chính, sự gia tăng tốc độ và quy mô di chuyển dòng nhân lực đem lại nhiều cơ hội cho các nước đang bắt đầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa như Việt Nam, đó là: (1) Cơ hội làm việc ở nước ngoài cho nguồn nhân lực trong nước: nếu như trước đây, giải quyết việc làm cho lao động trong nước bị giới hạn bởi khả năng phát triển và hấp thu của doanh nghiệp trong nước thì trong nền kinh tế toàn cầu, nếu người lao động có kỹ năng, họ ngày càng có cơ hội tìm được việc làm tốt hơn ở nước ngoài, vì thế, tư duy về thị trường việc làm ngày nay cần là tư duy toàn cầu thay vì tư duy quốc gia đóng như trước đây. Có một số lo ngại về “chảy máu chất xám”, nhưng Ấn Độ cũng là một ví dụ rất tốt về việc sau 30-40 năm trí thức của Ấn Độ sang Mỹ làm việc do không được sử dụng ở quê nhà, đã quay trở lại phát triển kinh tế Ấn Độ và nhanh chóng đưa Ấn Độ vào danh sách những cường quốc đang lên của thế kỷ 21; (2) Cơ hội tốt hơn để “thuê chuyên gia” thế giới ở tất cả các lĩnh vực nhằm tạo ra hiệu ứng lan tỏa tri thức cho nguồn nhân lực tinh hoa của quốc gia.

Như vậy, muốn vươn lên những nấc thang cao hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu hay hướng tới tham gia vào những khâu then chốt như thiết kế, R&D v.v, điều kiện tiên quyết là phải tập trung xây dựng được nguồn nhân lực chất lượng cao. Nhân lực của Việt Nam chỉ có thể coi là có tố chất, cần phải được “mài dũa” công phu mới có thể trở thành “ngọc quý”. Và đó là trách nhiệm cần phải ưu tiên hàng đầu của Nhà nước nếu như Nhà nước định dẫn dắt phát triển kinh tế.

Cơ cấu ngành là quan hệ tỷ lệ của tập hợp tất cả các ngành hình thành nên nền kinh tế và các mối quan hệ tương đối ổn định giữa chúng. Chuyển dịch cơ cấu ngành là quá trình phát triển của các ngành kinh tế dẫn đến sự tăng trưởng khác nhau giữa các ngành và làm thay đổi mối quan hệ tương quan giữa chúng so với một thời điểm trước đó. Chuyển dịch cơ cấu ngành chỉ xảy ra sau một khoảng thời gian nhất định (vì nó là một quá trình) và sự phát triển của các ngành phải dẫn đến thay đổi mối quan hệ tương đối ổn định vốn có của chúng (ở thời điểm trước đó). Tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng liên tục năng lực sản xuất hàng hóa và dịch vụ của nền kinh tế trên cơ sở ứng dụng ngày càng nhiều các tiến bộ công nghệ nhằm nâng cao phúc lợi cho người dân.

Từ các lý luận cơ bản về tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu ngành, có thể thấy giữa chuyển dịch cơ cấu ngành với tăng trưởng kinh tế có quan hệ chặt chẽ với nhau. Mỗi quan hệ này là mối quan hệ nhân quả và được giải thích theo nguyên lý nhân quả tích lũy. Nguyên lý nhân quả tích lũy liên quan đến một cơ chế phản hồi dương hoặc âm bao gồm hay hay nhiều biến. Vì các thay đổi trong bất kỳ một biến nào cũng dẫn tới những thay đổi tương tự trong các biến khác, toàn bộ hệ thống sẽ di chuyển theo một hướng. Quan hệ giữa chuyển dịch cơ cấu ngành với tăng trưởng cũng phức tạp và có các tác động đan xen như theo nguyên lý nhân quả tích lũy đề cập ở trên. Cơ cấu ngành biến đổi ảnh hưởng tới quá trình tăng trưởng: Xem xét trên góc độ dịch chuyển nguồn lực lao động thì sự chuyển dịch của lao động từ khu vực nông nghiệp với năng suất lao động thấp sang khu vực công nghiệp và dịch vụ với năng suất lao động cao hơn làm tăng năng suất lao động của toàn nền kinh tế, đồng nghĩa với việc đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn. Cơ cấu ngành hiện đại với tỷ trọng các ngành có hàm lượng khoa học công nghệ cao, hàm lượng chất xám cao, sử dụng nhiều lao động kỹ năng và có giá trị gia tăng cao giúp nền kinh tế đạt và duy trì được tốc độ tăng trưởng cao trong dài hạn. Đến lượt nó, tăng trưởng kinh tế theo thời gian đem lại những thay đổi ở nhiều mặt khác nhau của cơ cấu ngành như cơ cấu sản lượng và việc làm theo ngành, cơ cấu tổ chức của nội bộ các ngành nông nghiệp, công nghiệp dịch vụ, hệ thống tài chính. Với thu nhập bình quân đầu người thấp, các nước nghèo thường bắt đầu con đường công nghiệp hoá thường từ quá trình sản xuất các sản phẩm thâm dụng lao động, trình độ công nghệ đơn giản, như sản xuất giày dép và hàng dệt may. Sau đó, khi thu nhập cao hơn, trình độ của nền kinh tế cao hơn các nước này tiến dần lên những quá trình sản xuất thâm dụng vốn, công nghệ phức tạp hơn như hoá dầu, vi mạch điện tử, ô tô v.v... Những thay đổi này về cơ cấu ngành đến lượt nó lại ảnh hưởng ngược lại tới quá trình tăng trưởng. Cứ như thế, chuyển dịch cơ cấu ngành với tăng trưởng kinh tế có ảnh hưởng qua lại, biến chuyển không ngừng trong tiến trình phát triển của mỗi quốc gia. Trong mối quan hệ tác động đan xen phức tạp như vậy giữa chuyển dịch cơ cấu ngành với tăng trưởng kinh tế, cần phải thấy rằng, chuyển dịch cơ cấu ngành đóng vai trò quyết định tăng trưởng, từ đó, tăng trưởng tạo ra các nhân tố mới để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ở giai đoạn phát triển tiếp sau. Cơ cấu ngành càng phức tạp, càng hiện đại thì càng có điều kiện để tăng trưởng kinh tế phù hợp với tiềm năng tăng trưởng cũng như gia tăng tiềm năng tăng trưởng ở những

thời kỳ tiếp theo.

Các ảnh hưởng qua lại giữa chuyển dịch cơ cấu ngành với tăng trưởng kinh tế được thể hiện rõ nét trong trung và dài hạn. Nói cách khác, muốn tăng trưởng kinh tế bền vững thì tăng trưởng kinh tế đó tất yếu phải gắn bó chặt chẽ với quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành theo hướng ngày một hiện đại hơn. Chuyển dịch cơ cấu ngành hợp lý tất yếu sẽ dẫn tới tăng trưởng kinh tế bền vững. Tăng trưởng kinh tế mà không mang lại sự chuyển dịch cơ cấu ngành là tăng trưởng khó có thể duy trì được về lâu dài. Ngược lại, chuyển dịch cơ cấu ngành theo hướng tiêu cực hay cơ cấu ngành không thay đổi theo thời gian thì chắc chắn khó có thể tăng trưởng cao trong những thời kỳ sau đó.

Có nhiều kênh truyền dẫn ảnh hưởng qua lại giữa chuyển dịch cơ cấu ngành với tăng trưởng kinh tế trong đó kênh truyền dẫn quan trọng nhất là thông qua năng suất lao động. Điều này lý giải tại sao cần phải coi chuyển dịch cơ cấu lao động nhanh, hiệu quả (tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông nghiệp giảm mạnh, tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực công nghiệp, dịch vụ năng động, hiện đại tăng nhanh, năng suất lao động tăng cao) là tiêu chí quan trọng hàng đầu để đánh giá mức độ thành công của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

3. Giải pháp thực hiện chuyển dịch cơ cấu ngành

Ảnh hưởng của chuyển dịch cơ cấu ngành tới tăng trưởng kinh tế chịu tác động mạnh bởi hành động của các chủ thể tham gia phát triển kinh tế là Nhà nước, doanh nghiệp và người lao động (người dân) do đây là các chủ thể trực tiếp ra các quyết định phân bổ nguồn lực và sử dụng tối ưu nguồn lực trong nền kinh tế. Sự can thiệp của Nhà nước có thể tạo ra cả ảnh hưởng tích cực lẫn tiêu cực tới chuyển dịch cơ cấu ngành, từ đó tới tăng trưởng kinh tế. Để có ảnh hưởng tích cực tới chuyển dịch cơ cấu ngành từ đó tới tăng trưởng kinh tế, sự can thiệp của Nhà nước phải đúng đắn ở cả ba khâu: (1) Vạch ra định hướng phát triển ngành, lĩnh vực; (2) Thiết kế cơ chế, chính sách để tổ chức thực hiện thành công định hướng đề ra; và (3) Giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách đã thiết kế. Ngay cả khi lựa chọn mô hình Nhà nước dẫn dắt quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa là lựa chọn ngày càng hợp lý của các nước đang phát triển đi sau trong thời đại toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ, chủ thể đóng vai trò quyết định nhất đến sự thành công của mô hình Nhà nước dẫn dắt phát triển vẫn là khu vực doanh nghiệp. Hoạt động đầu tư của doanh nghiệp chịu ảnh hưởng bởi

nhieu nhân tố khác nhau, nhưng quan trọng nhất là lợi nhuận kỳ vọng và môi trường đầu tư. Với quá trình toàn cầu hóa kinh tế thế giới đang diễn ra mạnh mẽ hiện nay, mỗi quốc gia đang phát triển có nền kinh tế mở ngày càng ít bị ràng buộc bởi giới hạn nguồn lực khan hiếm, đặc biệt là vốn đầu tư và khoa học công nghệ. Nhìn chung vốn đầu tư của doanh nghiệp và nhà đầu tư toàn cầu sẽ chảy vào những quốc gia có môi trường đầu tư hấp dẫn và triển vọng lợi nhuận tốt. Những yếu tố chính của một môi trường đầu tư tốt là: Kinh tế vĩ mô ổn định; Thủ tục hành chính đơn giản, minh bạch; Cơ sở hạ tầng sẵn sàng và chất lượng; Chính trị ổn định và an toàn, an ninh được đảm bảo; Lao động chất lượng cao dồi dào. Cuối cùng, trình độ và năng lực của người lao động hay rộng hơn là chất lượng nguồn nhân lực có ảnh hưởng cả tích cực và tiêu cực tới tốc độ và chất lượng chuyển dịch cơ cấu lao động và tăng trưởng kinh tế. Nếu lao động có trình độ tay nghề thấp, thể lực kém, kỹ thuật kém thì chỉ có thể làm việc trong các ngành, lĩnh vực sử dụng công nghệ giản đơn tạo ra giá trị gia tăng thấp, do đó, cơ cấu ngành chậm chuyển dịch và tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng. Ngược lại, chỉ với lực lượng lao động kỹ năng cao, thể lực tốt, có tác phong công nghiệp mới có điều kiện phát triển những ngành, lĩnh vực công nghệ cao tạo ra giá trị gia tăng cao cho nền kinh tế quốc gia thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành và tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu.

Ảnh hưởng của chuyển dịch cơ cấu ngành tới tăng trưởng kinh tế là có thể lượng hóa được. Để lượng hóa ảnh hưởng của chuyển dịch cơ cấu ngành tới tăng trưởng kinh tế, có thể tiếp cận theo nhiều góc độ, trong khuôn khổ số liệu của Việt Nam, nghiên cứu tiếp cận theo 2 góc độ: (1) Lượng hóa ảnh hưởng của chuyển dịch cơ cấu ngành tới tăng trưởng kinh tế một cách gián tiếp thông qua tác động tới năng suất lao động sử dụng phương pháp hạch toán tăng trưởng; (2) Lượng hóa trực tiếp ảnh hưởng của chuyển dịch cơ cấu ngành tới tăng trưởng kinh tế sử dụng mô hình kinh tế lượng và phương pháp véc-tơ.

Trong điều kiện bình thường, chừng nào còn có chênh lệch năng suất lao động giữa các ngành, lĩnh vực, chừng đó, sự chuyển dịch cơ cấu ngành theo hướng hợp lý còn có ảnh hưởng tích cực tới tăng trưởng kinh tế và ngược lại. Điều này có nghĩa, với tỷ trọng lao động nông nghiệp trong nền kinh tế còn cao như hiện nay, việc có được hệ thống cơ chế chính sách tốt phát huy ảnh hưởng tích cực của chuyển dịch cơ cấu ngành tới tăng trưởng đồng thời đẩy nhanh được tốc độ chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng việc làm bền vững sẽ có ý nghĩa quyết định tới khả năng đạt được

tăng trưởng kinh tế cao bền vững trong nhiều năm tới. Từ đó cũng chỉ ra nguyên nhân chủ quan quan trọng nhất khiến ảnh hưởng của chuyển dịch cơ cấu ngành tới tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam 10 năm qua còn có nhiều hạn chế thuộc về các lực lượng tham gia phát triển đất nước: đó là Nhà nước, doanh nghiệp và người lao động, thể hiện ở (1) Nhà nước chỉ đạt được thành công rất hạn chế trong định hướng chuyển dịch cơ cấu ngành thời kỳ 2001-2010 (Hạn chế trong thiết kế; tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chủ trương, chính sách chuyển dịch cơ cấu ngành); (2) Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đã tập trung phần lớn năng lực vào việc “trục lợi” chính sách chuyển dịch cơ cấu ngành; và (3) Trình độ nguồn nhân lực thấp, không đáp ứng được yêu cầu hiện đại hóa.

Để đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu ngành trong phát triển và tăng trưởng kinh tế thời gian tới cần hoàn thiện hệ thống thể chế kinh tế có lợi cho phát triển cơ cấu ngành hiện đại và có hiệu quả cao; Xây dựng bộ máy nhà nước pháp quyền mạnh, có năng lực điều hành nền kinh tế hiệu quả cao, trong đó hội tụ được giới tinh hoa của xã hội; Ổn định vững chắc kinh tế vĩ mô; Nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; Phát triển nhân lực chất lượng cao phục vụ hình thành cơ cấu ngành hiện đại, đảm bảo tăng trưởng nhanh và bền vững; Tham gia và nâng cấp vị trí trong chuỗi giá trị toàn cầu. Bên cạnh nhóm giải pháp chung, nghiên cứu cũng đề xuất nhóm giải pháp để đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch lao động từ khu vực nông nghiệp sang khu vực phi nông nghiệp, bao gồm: Giải pháp về đào tạo nghề cho người lao động ở nông thôn; Thúc đẩy xuất khẩu lao động; Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) ở nông thôn; Đầu tư đồng bộ phát triển kết cấu hạ tầng ở nông thôn làm cầu nối cho liên kết giữa thành thị và nông thôn.

Những giải pháp nêu trên không chỉ ra phải ưu tiên phát triển ngành, lĩnh vực nào mà tập trung vào việc tạo ra những nền tảng căn bản và môi trường thuận lợi để chuyển dịch cơ cấu ngành theo chiều sâu có thể diễn ra phù hợp với quy luật kinh tế thị trường. Trong nền kinh tế toàn cầu mà kinh tế Việt Nam phải là một bộ phận gắn bó hữu cơ, chính những nền tảng căn bản về nguồn nhân lực, về kết cấu hạ tầng, về thể chế, về thông tin, về hội nhập kinh tế quốc tế và môi trường kinh doanh thuận lợi sẽ giúp tăng tốc chuyển dịch cơ cấu ngành theo chiều sâu mà không cần phải có sự can thiệp trực tiếp của Nhà nước. Quan trọng hơn, điều kiện tiên quyết để Nhà nước có thể dẫn dắt phát triển kinh tế, dẫn dắt quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành thành công, giúp nền kinh tế đạt được tăng trưởng cao, liên tục phải là Nhà nước có năng lực kiến tạo phát triển, trong đó bộ máy Nhà nước được điều hành bởi những quan chức ưu tú có

học vấn và tinh thần tận tụy cao nhưng bộ máy Nhà nước ta còn thiếu điều kiện này. Chính vì thế, những giải pháp kiến nghị nói trên là trong khả năng thực hiện của đất nước, nhưng để thực hiện được, cần phải có quyết tâm chính trị, tức là có ý chí thực hiện những quyết sách tuy có khó khăn về mặt chính trị nhưng có lợi cho đất nước. Thực tiễn hơn hai mươi năm Đổi mới đã giúp kiểm chứng và khẳng định cần phải có những tư duy mới trong phát triển, nhưng để những tư duy mới đi vào thực tiễn, cần phải có quyết tâm chính trị từ những lãnh đạo cấp cao nhất để gạt bỏ được các lợi ích nhóm, thực sự cải cách vì lợi ích của cả dân tộc.



TTBD ĐBDC

